

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 03 - 11 - 2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Hoà

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST ngày 03 tháng 02 năm 2021; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1758/2021/QĐ-ST ngày 04/10/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1993

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Liên bang Nga theo địa chỉ: Đường phố X, Đ49, S 191, thành phố Matxcova, Liên bang Nga. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền để liên lạc nhận các văn bản tố tụng: Ông Võ Văn Phong, sinh năm 1981 – Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo khởi kiện đề ngày 08/12/2020 về việc xin ly hôn và tại các bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Phạm Thị L) và anh Nguyễn Văn T2 tự do tìm hiểu nhau, yêu nhau và tự nguyện kết hôn vào ngày 22/3/2018 tại UBND xã T, huyện, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay, chị đang ở Liên bang Nga, anh T2 sống ở Việt Nam, vợ chồng xa cách nên ít liên lạc, cả hai không còn quan tâm

đến nhau. Chị và anh T2 đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung và cũng không nợ của ai, không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ngày 05/4/2021, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do điều kiện đang ở nước ngoài cũng như tình hình dịch bệnh Covid – 19 nên chị không thể về nước để tham gia giải quyết vụ án được.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 tại bản tự khai đề ngày 03/3/2021, anh T2 trình bày: Việc kết hôn giữa anh và chị Phạm Thị L2 là hoàn toàn tự nguyện như chị trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống sau đó cô L2 bỏ đi làm ăn từ đó đến nay không hề liên lạc gì với anh. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị L không còn, chị L làm đơn xin ly hôn anh đồng ý. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ngày 08/3/2021, anh Nguyễn Văn T2 có đơn xin được giải quyết ly hôn vắng mặt gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp, phiên hoà giải ngày 03/8 và ngày 03/9/2021 nhưng chị L, anh T2 đều và có đơn xin vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T2 được ly hôn. Về con chung và tài sản chung không xem xét. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của Chị Phạm Thị L, sinh năm 1993 - Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Liên bang Nga theo địa chỉ: Đường phố X, Đ49, S191, thành phố Matxcova, Liên bang Nga yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989 - Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Do hiện nay nguyên đơn chị Phạm Thị L đang ở nước ngoài nên căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn Nguyễn Văn T2 đề vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T2 tự nguyện yêu nhau và đi đến hôn nhân, cả hai cùng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/3/2018 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống đầm ấm hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L và anh T2 thống nhất trình bày do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị L đã sang Liên bang Nga để làm ăn, từ đó vợ chồng cách xa không còn liên lạc và quan tâm đến nữa, chị L, anh T2 đều có nguyện vọng xin được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T2 không còn cuộc sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên toà hôm nay chị L, anh T2 đều vắng mặt nhưng cả hai đều có trình bày yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn vắng mặt. Theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L để xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T2 là phù hợp.

2.2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị L, anh T2 không có con chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

2.3. Về quan tài sản chung: Chị L, anh T2 thống nhất không có tài sản gì chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 35, Điều 37; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 273; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, xử: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T2.
2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.
3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí Toà án: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2020/0001739 ngày 03/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn chị Phạm Thị L vắng mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyển